

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST
Ngày 27-8-2025
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Ông Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị ĐTT, sinh năm 1978. Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã D, thành phố Hải Phòng);

Nơi ở hiện nay: Số 10 ngõ 15 E, phường F, thành phố G, tỉnh Hải Dương (nay là số 10 ngõ 15 E, phường H, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH TH; địa chỉ: Lô M&K, Khu công nghiệp I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là Lô M&K, Khu công nghiệp I, phường Hồng An, thành phố Hải Phòng).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông L – Tổng giám đốc; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị NLQ1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội quận NLQ2, thành phố Hải Phòng (nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở NLQ2); địa chỉ: Số 16, Đường 351, phường An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hải - Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền số 47/GUQ-BHXH ngày 25 tháng 6 năm 2025); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị ĐTT trình bày:

Chị ĐTT và chị NLQ1, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn M, xã N, thành phố Hải Phòng là bạn bè, do chị NLQ1 thiếu giấy tờ làm hồ sơ xin việc, muốn mượn giấy tờ của chị ĐTT để xin việc tại Công ty nên chị cho mượn hồ sơ với mục đích hỗ trợ chị NLQ1 có việc làm, không nhằm mục đích khác.

Chị NLQ1 có mượn chứng minh nhân dân và thông tin của chị để làm hồ sơ vào làm việc tại Công ty TNHH TH.

Sau khi mượn hồ sơ của chị, chị NLQ1 ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH TH; địa chỉ: Lô M&K, Khu công nghiệp I, chị NLQ1 là người làm việc trực tiếp tại Công ty, tham gia đóng bảo hiểm xã hội (*sau đây viết tắt là BHXH*) theo sổ BHXH số 3111024081 và 8702000928 nhưng sử dụng tên của chị – ĐTT từ tháng 2/2011 đến tháng 4/2016. Tuy nhiên, chị không làm việc tại Công ty TNHH TH ngày nào. Cùng thời điểm đó, từ tháng 2/2011 đến tháng 4/2016 chị đã ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O. Việc trùng thời gian đóng bảo hiểm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị.

Trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, tên ĐTT, sinh ngày 25/11/1978 có 02 sổ bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3111024081 và 8702000928.

- Mã số 3111024081 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH TH từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 4 năm 2016 là 05 năm 03 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 4 năm 2016 là 05 năm 03 tháng.

- Mã số 8702000928 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Tư vấn xây dựng P, Công ty tư vấn thiết kế và xây lắp P từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2009; tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O từ tháng 01/2010 đến tháng

8/2018; tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 6 năm 2025. Tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 6 năm 2025 là 23 năm 06 tháng.

Do trên hệ thống của Bảo hiểm Xã hội quận NLQ2 chỉ có hai sổ bảo hiểm xã hội nên chị gặp khó khăn trong việc trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị NLQ1 (sử dụng tên ĐTT) với Công ty TNHH TH thời gian từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016 là hợp đồng vô hiệu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu và nhận chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại Công văn số: TG/25/06/04 ngày 10 tháng 6 năm 2025, bị đơn Công ty TNHH TH trình bày:

Công ty TNHH TH xác nhận có giao kết hợp đồng lao động với người lao động tên ĐTT, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1978, số sổ bảo hiểm xã hội: 3111024081; địa chỉ thường trú tại Q, R, Hải Dương, (nay là thành phố Hải Phòng). Chị ĐTT làm việc tại Công ty từ ngày 07/01/2011 đến ngày 30/4/2016. Trong đó, thời gian học việc từ 07/01/2011 đến ngày 06/02/2011. Thời gian trở thành nhân viên chính thức là từ 07/02/2011 đến 30/4/2016 nên đã được Công ty đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội từ 02/2011 đến tháng 4/2016. Người lao động ĐTT đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2016, theo quy định về lưu trữ hồ sơ tuyển dụng của Công ty, hồ sơ liên quan đến chị ĐTT đã không còn được lưu trữ. Công ty TNHH TH đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị NLQ1 trình bày:

Vào năm 2011, chị có nhu cầu tìm việc làm nhưng thiếu giấy tờ nên đã mượn giấy tờ tùy thân của chị ĐTT để ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH TH từ ngày 07/01/2011 đến ngày 30/4/2016 theo như chị ĐTT đã trình bày là đúng. Trong thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH TH thì chị và Công ty TNHH TH đều tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận NLQ2 từ tháng 02/2011. Đến tháng 5 năm 2016, chị nghỉ việc tại Công ty TNHH TH và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nữa. Từ sau khi chị nghỉ việc đến nay, chị chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào tại Bảo hiểm xã hội quận NLQ2. Nay chị ĐTT khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị là NLQ1 (sử dụng tên ĐTT) với Công ty TNHH TH thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016 là hợp đồng

vô hiệu, chỉ có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị ĐTT; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 48/BHXXH ngày 25 tháng 6 năm 2025, Bảo hiểm xã hội quận NLQ2 (nay là Bảo hiểm xã hội Cơ sở NLQ2) trình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, chị ĐTT, sinh ngày 25/11/1978 có CMND 141756512 có 02 sổ bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3111024081 và 8702000928.

- Mã số 3111024081 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH TH từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4 năm 2016. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 4 năm 2016 là 05 năm 03 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 4 năm 2016 là 05 năm 03 tháng.

- Mã số 8702000928 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Tư vấn xây dựng P, Công ty Tư vấn thiết kế và xây lắp P từ tháng 01/2002 đến tháng 12/2009; tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH O từ tháng 01/2010 đến tháng 8/2018; tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 6 năm 2025. Tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 6 năm 2025 là 23 năm 06 tháng.

Nay chị ĐTT yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và huỷ hợp đồng số 56151, Bảo hiểm xã hội đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 123, 127, 136 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9; khoản 1, 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị ĐTT và Công ty TNHH TH; địa chỉ: Lô M&K, Khu công nghiệp I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng theo sổ BHXH số 3111024081 vô hiệu toàn bộ.

Về án phí lao động: chị ĐTT phải nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH TH yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH TH; có địa chỉ tại: Lô M&K, Khu công nghiệp I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hồng An, thành phố Hải Phòng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, nhưng có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 04 năm 2016, chị NLQ1 đã mượn hồ sơ cá nhân của chị ĐTT để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH TH với tên ĐTT từ tháng 02/2011. Việc chị NLQ1 sử dụng hồ sơ cá nhân của chị ĐTT để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH TH là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 123, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1, 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị NLQ1 (sử dụng tên ĐTT) với Công ty TNHH TH trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 4/2016 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; bị đơn đã được Tòa án giải thích về việc có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng không có ý kiến đề nghị.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 123, 127, 136 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9; khoản 1, 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị ĐTT. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị NLQ1 (sử dụng tên ĐTT) với Công ty TNHH TH trong thời gian từ tháng 02/2011 đến tháng 4/2016 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị ĐTT phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động chị ĐTT đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002713 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hải Phòng). Chị ĐTT đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Hải Phòng;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như